**BÀI 10: CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG QUỐC ( TQ)**

**Tiết 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI TQ**

**I. Vị trí địa lí và lãnh thổ:**

- Diện tích lớn thứ 4 thế giới ( sau Nga, Canada, Hoa Kì )

- Nằm ở Đông Á. Lãnh thổ kéo dài từ 230 B – 530 B.

- Giáp 14 nước, phía Đông giáp biển, đường bờ biển dài 9000 km.

- 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc TW

**II. Điều kiện tự nhiên:** Lấy ranh giới kinh tuyến 1500 Đ

**1. Miền Đông:**

- Vị trí: Trải dài từ duyên hải vào đất liền tới 1500 Đ chiếm 50% diện tích đất nước

- Địa hình: Có các đồng bằng rộng lớn màu mỡ => thuận ợi nông nghiệp

- Khoáng sản: Kim loại màu

- Khí hậu: Cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa

- Sông ngòi: Có nhiều sông lớn ( s. Hoàng Hà, s. Trường Giang, s. Hắc Long Giang) cung cấp nước cho nông nghiệp, tuy nhiên cũng thường gây lụt lội.

- Biển: Có đường bờ biển dài => thuận lợi đánh bắt thủy hải sản, GT biển.

**2. Miền Tây:**

- Vị trí: Phía tây kinh tuyến 1500 Đ

- Địa hình: Bao gồm các dãy núi cao, sơn nguyên, xen lẫn bồn địa => đất đai cằn cỗi => không thuận lợi PTNN

 - Khoáng sản: Than, sắt, dầu mỏ => phát triển công nghiệp.

- Khí hậu: núi cao va ôn đới lục địa khắc nghiệt

- Sông ngòi: Là nơi bắt nguồn của các con sông lớn. => phát triển thủy điện.

- Rừng có diện lớn.

**III. Dân cư và xã hội:**

**1. Dân cư:**

- Dân số: Đông nhất thế giới (chiếm 1/5 DS thế giới)

- Chính sách dân số triệt để: mỗi gia đình chỉ có 1 con => tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp 0,6%

- Có trên 50 dân tộc ( người Hán trên 90% DS )

- Phân bố dân cư không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông. Tỉ lệ dân thành thị: 37% DS

**2. Xã hội:**

- Giaó dục được chú trọng đầu tư => tỉ lệ người biết chữ từ 15 tuổi trở lên cao trên 90%

- Có các phát minh nổi tiếng: La bàn, giấy, thuốc súng, kĩ thuật in…

- Nguồn lao động dồi dào, cần cù, sáng tạo, và ngày càng có chất lượng.